

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **326** /CBTT-NQB

Quảng Bình, ngày 08 tháng 8 năm 2023

V/v: Công bố thông tin định kỳ Báo cáo tài chính đã được soát xét bán niên 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Quý cổ đông NQB

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình

- Mã chứng khoán : NQB
- Địa chỉ Trụ sở chính : số 81- Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
- Điện thoại: 0232.3822354- 3822620;
- Email: capnuocqb@gmail.com
- Website: capnuocquangbinh.vn
- Người công bố thông tin: ông Lê Anh Dũng- Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật doanh nghiệp.

2. Nội dung công bố thông tin:

Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình, bao gồm: Bản thuyết minh báo cáo tài chính; Bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả kinh doanh; báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Thông tin này được Công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình vào ngày 08/8/2023, tại đường dẫn: **Capnuocquangbinh.vn**.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TK.



**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT**



Lê Anh Dũng



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2023



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 27

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Anh Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên thường trực
Ông Lê Minh Chương	Thành viên
Ông Mai Song Hào	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2023)
Ông Trần Tấn Đức	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2023)
Ông Nguyễn Thế Minh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2023)
Ông Ngô Thành Chung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2023)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Dũng	Giám đốc
Ông Lê Văn Nghĩa	Phó Giám đốc
Ông Trần Văn Tiến	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Đức Vũ	Trưởng ban
Ông Trần Văn Ban	Thành viên
Ông Trịnh Đình Tùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2023)
Bà Bùi Thị Như Quỳnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2023)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Anh Dũng- Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Lê Anh Dũng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Quảng Bình, ngày 08 tháng 08 năm 2023

Số: 080801/2023/BCSX-iCPA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 08 năm 2023, từ trang 5 đến trang 27 bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Thị Thanh Hoa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1402-2023-072-1
Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		45.754.234.484	34.159.786.035
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		17.954.467.077	15.380.605.586
1. Tiền	111	V.1	17.954.467.077	15.380.605.586
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.471.826.086	7.001.042.305
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	10.203.498.794	6.932.569.263
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	869.787.000	102.041.272
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		477.892.799	82.550.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(79.352.507)	(127.060.507)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	10.942.277
III. Hàng tồn kho	140	V.5	16.104.151.215	11.340.461.067
1. Hàng tồn kho	141		17.084.133.414	12.342.917.811
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(979.982.199)	(1.002.456.744)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		223.790.106	437.677.077
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	223.790.106	285.074.796
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	109.662.561
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12a	-	42.939.720
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		206.577.701.012	215.697.328.884
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.000.000	37.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		37.000.000	37.000.000
II. Tài sản cố định	220		201.609.042.617	211.569.668.531
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	201.334.056.111	211.260.806.163
- Nguyên giá	222		475.835.309.353	475.578.650.353
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(274.501.253.242)	(264.317.844.190)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	274.986.506	308.862.368
- Nguyên giá	228		719.000.000	719.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(444.013.494)	(410.137.632)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.327.587.762	679.563.517
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	2.327.587.762	679.563.517
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.604.070.633	3.411.096.836
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	2.604.070.633	3.411.096.836
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		252.331.935.496	249.857.114.919

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		68.324.788.090	62.994.402.945
I. Nợ ngắn hạn	310		43.043.950.089	33.854.912.096
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	10.088.828.565	7.679.099.921
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	927.493.108	575.344.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12b	3.303.150.254	2.214.649.972
4. Phải trả người lao động	314		6.308.907.461	9.131.399.445
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	377.132.881	479.985.413
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	8.028.615.306	2.044.490.398
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	10.859.972.696	10.836.676.007
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.149.849.818	893.266.940
II. Nợ dài hạn	330		25.280.838.001	29.139.490.849
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	25.280.838.001	29.139.490.849
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.16	184.007.147.406	186.862.711.974
I. Vốn chủ sở hữu	410		184.007.147.406	186.862.711.974
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.302.040.000	172.302.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.302.040.000	172.302.040.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.148.166.996	3.248.166.996
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.556.940.410	11.312.504.978
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		6.556.940.410	11.312.504.978
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		252.331.935.496	249.857.114.919

Lê Thị Thu Hà
Người lập biểu

Lê Minh Chương
Kế toán trưởng



Lê Anh Dũng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 08 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		60.528.416.905	55.363.443.107
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	60.528.416.905	55.363.443.107
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	45.452.977.256	40.546.037.149
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.075.439.649	14.817.405.958
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		10.652.947	6.386.588
6. Chi phí tài chính	22	VI.3	1.273.408.272	1.383.871.502
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.273.408.272	1.383.871.502
7. Chi phí bán hàng	25	VI.4	1.409.453.024	1.614.829.354
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.326.415.125	4.102.466.576
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.076.816.175	7.722.625.114
10. Thu nhập khác	31		136.208.154	11.325.547
11. Chi phí khác	32		16.479.053	60.497.372
12. Lợi nhuận khác	40		119.729.101	(49.171.825)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.196.545.276	7.673.453.289
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	1.639.604.866	1.546.790.132
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.556.940.410	6.126.663.157
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	238	222
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		238	222

Lê Thị Thu Hà
Người lập biểu

Lê Minh Chương
Kế toán trưởng



Lê Anh Dũng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 08 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	72.901.134.794	64.924.522.355
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(25.142.021.561)	(21.098.189.476)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(23.214.087.593)	(19.801.697.798)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1.376.260.804)	(1.417.867.989)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.035.927.918)	(1.007.796.547)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	258.628.111	361.296.880
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(14.088.217.081)	(16.252.476.220)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.303.247.948	5.707.791.205
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.904.683.245)	(2.770.464.478)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.652.947	6.386.588
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.894.030.298)	(2.764.077.890)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.142.667.000	8.653.401.771
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.978.023.159)	(6.769.158.177)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.835.356.159)	1.884.243.594
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.573.861.491	4.827.956.909
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15.380.605.586	8.382.419.053
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	17.954.467.077	13.210.375.962

Lê Thị Thu Hà
Người lập biểu

Lê Minh Chương
Kế toán trưởng



Lê Anh Dũng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 08 tháng 08 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3100130287 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Quảng Bình do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 1992 và các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là: 172.302.040.000 đồng (Một trăm bảy mươi hai tỷ, ba trăm linh hai triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất kinh doanh nước sạch.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh nước sạch tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Ngành nghề
1	Văn phòng Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình	Số 81 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
2	Chi nhánh cấp nước Đồng Hới	Ngõ 55 Lê Thành Đồng, Phường Hải Thành, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh	Cung cấp nước sạch
3	Chi nhánh cấp nước Ba Đồn	Khu phố 1, Phường Ba Đồn, Thị xã Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
4	Trạm cấp nước Hoàn Lão	TK2, Thị trấn Hoàn Lão, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
5	Trạm cấp nước Kiến Giang	Thôn Quy Hậu, Xã Liên Thủy, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
6	Trạm cấp nước Quy Đạt	Xã Yên Hoá, Thị trấn Quy Đạt, Huyện Minh Hoá, Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
7	Trạm cấp nước Đồng Lê	TK2, Thị trấn Đồng Lê, Huyện Tuyên Hoá, Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
8	Trạm cấp nước TTNT Việt Trung	TK3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
9	Trạm cấp nước Quán Hàu	TK4, Thị trấn Quán Hàu, Huyện Quảng Ninh, Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
10	Trạm cấp nước Phong Nha	Xã Sơn Trạch, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
11	Trạm cấp nước Rào Đá	Xã An Ninh, Huyện Quảng Ninh, Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 đã được soát xét.

7. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 225 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 226 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải	05
Thiết bị vận chuyển đường ống	15 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 08

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 05 đến 08 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Doanh thu (Tiếp theo)

- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	191.018.478	163.778.040
Tiền gửi ngân hàng	17.763.448.599	15.216.827.546
Cộng	17.954.467.077	15.380.605.586

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu tiền nước của khách hàng	10.203.498.794	6.932.569.263
Cộng	10.203.498.794	6.932.569.263

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH Xây dựng Diệp Vinh	255.011.500	-
Công ty CP Du lịch và Sự kiện SEA TOURS	119.966.000	-
Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Minh Khang Quảng Bình	104.234.000	-
Các nhà cung cấp khác	390.575.500	102.041.272
Cộng	869.787.000	102.041.272

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Xí nghiệp chế biến Nông Thủy Hải sản Xuất khẩu	25.043.117	-	25.043.117	25.043.117	-	25.043.117
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Quảng Bình	14.861.748	-	14.861.748	14.861.748	-	14.861.748
Công ty Xây dựng Lũng Lô	10.255.667	-	10.255.667	10.255.667	-	10.255.667
Các đối tượng khác	29.191.975	-	29.191.975	76.899.975	-	76.899.975
Cộng	79.352.507	-	79.352.507	127.060.507	-	127.060.507

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	16.146.449.201	(979.982.199)	12.061.936.867	(1.002.456.744)
Công cụ, dụng cụ	183.766.364	-	20.100.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	753.917.849	-	260.880.944	-
Cộng	17.084.133.414	(979.982.199)	12.342.917.811	(1.002.456.744)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	128.869.793.557	46.120.366.855	300.416.671.760	171.818.181	475.578.650.353
Mua trong kỳ	-	256.659.000	-	-	256.659.000
Số dư cuối kỳ	128.869.793.557	46.377.025.855	300.416.671.760	171.818.181	475.835.309.353
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	73.019.363.234	22.200.684.723	169.022.693.996	75.102.237	264.317.844.190
Khấu hao trong kỳ	2.764.895.710	1.336.262.066	6.073.609.236	8.642.040	10.183.409.052
Số dư cuối kỳ	75.784.258.944	23.536.946.789	175.096.303.232	83.744.277	274.501.253.242
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	55.850.430.323	23.919.682.132	131.393.977.764	96.715.944	211.260.806.163
Tại ngày cuối kỳ	53.085.534.613	22.840.079.066	125.320.368.528	88.073.904	201.334.056.111

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 110.594.146.426 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 108.573.751.283 đồng).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 24.726.502.197 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 25.636.375.725 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	719.000.000	719.000.000
Số dư cuối kỳ	719.000.000	719.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	410.137.632	410.137.632
Khấu hao trong kỳ	33.875.862	33.875.862
Số dư cuối kỳ	444.013.494	444.013.494
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	308.862.368	308.862.368
Tại ngày cuối kỳ	274.986.506	274.986.506

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 284.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 284.000.000 đồng)

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Mạng lưới cấp nước cấp 2 năm 2023	405.337.533	118.308.368
Mạng lưới cấp nước cấp 3 năm 2023	73.311.429	-
Tuyến truyền dẫn D280 Nghĩa Ninh	14.953.704	14.953.704
Các công trình khác	1.532.351.193	546.301.445
Sửa chữa lớn TSCĐ	301.633.903	-
Cộng	2.327.587.762	679.563.517

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	9.999.710	23.688.650
Chi phí trả trước khác	213.790.396	261.386.146
Cộng	223.790.106	285.074.796
b. Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	538.698.124	770.751.481
Chi phí trả trước khác	2.065.372.509	2.640.345.355
Cộng	2.604.070.633	3.411.096.836

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNHSố 81 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới
Tỉnh Quảng Bình**Mẫu số B 09a-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP DNP Holding	4.956.492.442	4.956.492.442	1.993.977.368	1.993.977.368
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Quảng Bình	799.500.230	799.500.230	860.155.979	860.155.979
Phải trả các đối tượng khác	4.332.835.893	4.332.835.893	4.824.966.574	4.824.966.574
Cộng	10.088.828.565	10.088.828.565	7.679.099.921	7.679.099.921

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
UBND xã Bảo Ninh	283.000.000	283.000.000	-	-
Công ty TNHH Hà Trung	270.570.000	270.570.000	270.570.000	270.570.000
Công ty CP Tập đoàn Nam Mê Công	257.794.108	257.794.108	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Tổng Hợp Tiền Phương	-	-	140.019.000	140.019.000
Các đối tượng khác	116.129.000	116.129.000	164.755.000	164.755.000
Cộng	927.493.108	927.493.108	575.344.000	575.344.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/bù trừ trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế tài nguyên	42.939.720	157.786.107	114.846.387	-
Cộng	42.939.720	157.786.107	114.846.387	-
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	3.354.464.928	3.331.835.421	22.629.507
Thuế thu nhập doanh nghiệp	681.416.614	1.639.604.866	1.035.927.918	1.285.093.562
Thuế thu nhập cá nhân	151.451.900	158.878.700	244.829.150	65.501.450
Thuế tài nguyên	-	57.174.480	-	57.174.480
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	154.854.278	154.854.278	-
Thuế môn bài	-	14.000.000	14.000.000	-
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	1.381.781.458	10.795.662.734	10.304.692.937	1.872.751.255
Cộng	2.214.649.972	16.174.639.986	15.086.139.704	3.303.150.254

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí lãi vay	377.132.881	479.985.413
Cộng	377.132.881	479.985.413

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	13.786.194
Kinh phí công đoàn	63.316.459	19.203.967
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.288.500.000	1.204.500.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.169.061.200	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.507.737.647	807.000.237
- Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Quảng Bình	304.004.844	312.452.608
- Trung tâm Phát triển Quỹ đất Quảng Bình	317.079.000	317.079.000
- Phí nước thải	812.364.174	-
- Phải trả, phải nộp khác	74.289.629	177.468.629
Cộng	8.028.615.306	2.044.490.398

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (i)	3.119.370.311	3.119.370.311	3.142.667.000	3.119.370.311	3.142.667.000	3.142.667.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	7.717.305.696	7.717.305.696			7.717.305.696	7.717.305.696
Cộng	10.836.676.007	10.836.676.007	3.142.667.000	3.119.370.311	10.859.972.696	10.859.972.696
b. Dài hạn						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (ii)	21.106.796.545	21.106.796.545	-	2.658.652.848	18.448.143.697	18.448.143.697
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (iii)	15.750.000.000	15.750.000.000	-	1.200.000.000	14.550.000.000	14.550.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	7.717.305.696	7.717.305.696			7.717.305.696	7.717.305.696
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	5.317.305.696	5.317.305.696			5.317.305.696	5.317.305.696
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	2.400.000.000	2.400.000.000			2.400.000.000	2.400.000.000
Cộng	29.139.490.849	29.139.490.849	-	3.858.652.848	25.280.838.001	25.280.838.001

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNHSố 81 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới,
Tỉnh Quảng Bình**Mẫu số B 09a-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- (i) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng vay theo hạn mức số 934/2022/VCB.KHDN ngày 11 tháng 11 năm 2022, hạn mức vay là 11,25 tỷ đồng; thời hạn duy trì hạn mức vay là 12 tháng từ ngày 11 tháng 11 năm 2022. Công ty vay vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Công ty sử dụng tài sản cố định của công ty theo các hợp đồng thế chấp lần lượt số 805/2019/VCB.KHDN, 806/2019/VCB.KHDN, 807/2019/VCB.KHDN ký ngày 22 tháng 05 năm 2019 và số 688.01/2019/VCBQB.KHDN ký ngày 24 tháng 07 năm 2020, 886/2021/VCB.KHDN ngày 17/12/2021 để đảm bảo cho các khoản vay này.
- (ii) Khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam từ nguồn vốn vay ODA để thực hiện dự án "Nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh các thành phố, thị xã" được ký kết lại giữa Bộ Tài chính và Công ty theo Hiệp định vay phụ ngày 28 tháng 8 năm 1997 và Phụ lục sửa đổi Hiệp định vay phụ ký ngày 28 tháng 04 năm 2008 với giá trị gốc vay là 69.904.158.089 đồng với thời hạn vay 25 năm, thời gian ân hạn là 05 năm, lãi suất 5%/năm. Khoản vay này bắt đầu trả nợ từ năm 2001 và đáo hạn vào năm 2026, mỗi năm Công ty phải trả 5.317.305.695 đồng.
- (iii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng vay theo dự án đầu tư số 877/2019/VCB.KHDN ngày 31 tháng 10 năm 2019; thời hạn cho vay là 07 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Công ty vay để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện các Dự án xây dựng nhà máy nước, lãi suất vay là trần lãi suất huy động vốn tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng cộng với mức biên (margin). Được xác định tại thời điểm các bên ký hợp đồng tín dụng và được điều chỉnh ngay khi có thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam khi có thay đổi. Tài sản bảo đảm là các tài sản theo các hợp đồng thế chấp lần lượt số 805/2019/VCB.KHDN, 806/2019/VCB.KHDN, 807/2019/VCB.KHDN ký ngày 22 tháng 05 năm 2019 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 688/2019/VCBQB.KHDN ký ngày 11 tháng 06 năm 2019.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	7.717.305.696	7.717.305.696
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	21.680.838.001	24.739.490.849
Sau năm năm	3.600.000.000	4.400.000.000
Cộng	32.998.143.697	36.856.796.545
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	7.717.305.696	7.717.305.696
Số phải trả sau 12 tháng	25.280.838.001	29.139.490.849

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	172.302.040.000	2.648.166.996	7.262.386.187	182.212.593.183
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	11.312.504.978	11.312.504.978
Chia cổ tức	-	-	(2.842.983.660)	(2.842.983.660)
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	600.000.000	(600.000.000)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.550.476.527)	(3.550.476.527)
Trích Quỹ thưởng ban điều hành	-	-	(268.926.000)	(268.926.000)
Số dư đầu kỳ này	172.302.040.000	3.248.166.996	11.312.504.978	186.862.711.974
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	6.556.940.410	6.556.940.410
Chia cổ tức (i)	-	-	(5.169.061.200)	(5.169.061.200)
Trích Quỹ Đầu tư phát triển (i)	-	1.900.000.000	(1.900.000.000)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(3.940.143.778)	(3.940.143.778)
Thưởng ban điều hành (i)	-	-	(303.300.000)	(303.300.000)
Số dư cuối kỳ này	172.302.040.000	5.148.166.996	6.556.940.410	184.007.147.406

(i) Theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022, cụ thể như sau:

- Trích quỹ Đầu tư phát triển với số tiền là 1.900.000.000 đồng;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý, điều hành doanh nghiệp, trưởng ban kiểm soát với số tiền là 3.940.143.778 đồng và 303.300.000 đồng;
- Chia cổ tức với số tiền là 5.169.061.200 đồng. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định thời gian trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Số cuối kỳ VND	Tỷ lệ	Số đầu kỳ VND
UBND tỉnh Quảng Bình	52%	89.865.040.000	52%	89.865.040.000
Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	25%	43.070.000.000	0%	-
Các cổ đông khác	23%	39.367.000.000	48%	82.437.000.000
Cộng		172.302.040.000		172.302.040.000

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.230.204	17.230.204
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	17.230.204	17.230.204
Cổ phiếu phổ thông	17.230.204	17.230.204
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.230.204	17.230.204
Cổ phiếu phổ thông	17.230.204	17.230.204
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

17. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất và bán nước sinh hoạt (chi tiết tại Thuyết minh số VI.1, doanh thu từ kinh doanh nước chiếm 89,6% tổng doanh thu) và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo chuẩn mực này.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu sản xuất và cung cấp nước sạch	54.212.415.670	51.249.785.317
Doanh thu lắp đặt ống nhánh	4.454.142.722	3.713.886.580
Doanh thu khác	1.861.858.513	399.771.210
Cộng	60.528.416.905	55.363.443.107

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn sản xuất và cung cấp nước sạch	41.479.670.251	36.751.201.861
Giá vốn lắp đặt ống nhánh	3.693.815.462	3.484.803.181
Giá vốn của hoạt động khác	298.397.746	334.575.328
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(18.906.203)	(24.543.221)
Cộng	45.452.977.256	40.546.037.149

3. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	1.273.408.272	1.383.871.502
Cộng	1.273.408.272	1.383.871.502

4. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.409.453.024	1.614.829.354
Cộng	1.409.453.024	1.614.829.354

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	435.131.307	312.863.863
Chi phí nhân công	2.045.964.174	1.233.600.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	409.307.508	418.135.654
Thuế, phí, lệ phí	383.814.865	290.946.973
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(47.708.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.000.000	124.800.000
Chi phí khác bằng tiền	979.905.271	1.722.120.086
Cộng	4.326.415.125	4.102.466.576

6. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.196.545.276	7.673.453.289
Các khoản điều chỉnh tăng	1.479.053	60.497.372
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	1.479.053	60.497.372
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	8.198.024.329	7.733.950.661
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.639.604.866	1.546.790.132
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.639.604.866	1.546.790.132

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.556.940.410	6.126.663.157
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.459.579.734	2.298.178.052
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.097.360.676	3.828.485.105
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.230.204	17.230.204
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	238	222

- (*) Quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 được tính bằng tỷ lệ Quỹ khen thưởng phúc lợi đã trích trên lợi nhuận sau thuế của năm 2022 nhân với Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 như sau:

	Số đã báo cáo	Điều chỉnh	Số trình bày lại
	VND	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.126.663.157	-	6.126.663.157
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.995.237.814	(697.059.762)	2.298.178.052
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.131.425.343	697.059.762	3.828.485.105
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.230.204	-	17.230.204
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	182	40	222

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.706.306.247	9.580.581.596
Chi phí nhân công	19.558.831.435	19.194.505.487
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.217.284.914	9.916.628.448
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	9.199.459.714	7.986.364.069
Cộng	51.681.882.310	46.678.079.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Thu nhập của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lê Anh Dũng	Chủ tịch HĐQT	207.360.000	259.200.000
Ông Nguyễn Văn Dũng	Giám đốc	185.820.000	230.400.000
Ông Lê Văn Nghĩa	Phó Giám đốc	156.520.000	194.400.000
Ông Trần Văn Tiến	Phó Giám đốc	155.520.000	194.400.000
Ông Lê Minh Chương	Thành viên HĐQT	150.960.000	194.400.000
Ông Mai Song Hào	Thành viên HĐQT	2.400.000	-
Ông Trần Tấn Đức	Thành viên HĐQT	2.400.000	-
Ông Nguyễn Thế Minh	Thành viên HĐQT	4.800.000	7.200.000
Ông Ngô Thành Chung	Thành viên HĐQT	4.800.000	7.200.000
Ông Nguyễn Đức Vũ	Trưởng BKS	118.080.000	129.000.000
Ông Trần Văn Ban	Thành viên BKS	96.067.000	109.112.707
Bà Bùi Thị Như Quỳnh	Thành viên BKS	4.000.000	-
Ông Trịnh Đình Tùng	Thành viên BKS	2.000.000	-
Cộng		1.090.727.000	1.325.312.707

2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lê Thị Thu Hà
Người lập biểu

Lê Minh Chương
Kế toán trưởng



Lê Anh Dũng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 08 tháng 08 năm 2023

Số: 325 /NQB

Quảng Bình, ngày 08 tháng 8 năm 2023

Giải trình chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023.

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội


Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Công ty TNHH kiểm toán quốc tế kiểm toán cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp nước Quảng Bình gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty cổ phần Cấp nước Quảng Bình giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 trước và sau kiểm toán như sau:

- Hạch toán khoản hoàn nhập dự phòng tổn thất hàng tồn kho đã trích lập từ các năm trước nay xuất dùng sử dụng
- Hạch toán hoàn nhập dự phòng khoản đã trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi từ các năm trước nay thu hồi được
- Giảm chi phí đóng BHXH phần đã trích vào chi phí, tăng phần thu từ người lao động do trừ vào lương tháng 7/2023

Trên đây là nguyên nhân chủ yếu làm chênh lệch lợi nhuận sau thuế trước và sau kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp nước Quảng Bình.

Nơi nhận: 
- Như trên
- Lưu TCHC, TV



Lê Anh Dũng